

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2024

V/v tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vụ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông K' Bình và bà Nguyễn Thị Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Anh Văn -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05-4-2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27-8-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS, ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị N, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Cao Thị N trình bày:* Bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày ngày ngày 23 tháng 02 năm 1996 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (trước đây là tỉnh Sông Bé); việc chung sống và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống Bà Cao Thị N và ông Nguyễn Văn Đ có 05 con chung là cháu Nguyễn Thị Loan A, sinh ngày 09/11/1997; cháu Nguyễn Thị Kỳ D, sinh ngày 07/02/2003; cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/4/2004; cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/3/2018.

Quá trình chung sống bà N và ông Đ không cùng chung quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N và ông Đ đã ly thân với nhau. Vì vậy bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Đ; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về con chung: cháu A, cháu D, cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; hiện cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/9/2016 và cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/3/2018 đang ở cùng với bà N; bà N yêu cầu được nuôi cháu Ngân và cháu Phước, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ông Đ thống nhất với trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân và con chung; với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông Đ đồng ý ly hôn với bà N; về con chung: ông Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/3/2018; giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/9/2016 cho bà N nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ; về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 02/9/2016 và cháu Nguyễn Hữu P sinh ngày 11/3/2018 cho bà N nuôi dưỡng; về tài sản chung nợ chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Cao Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ; giữa Bà Cao Thị N và ông Đ có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, nuôi con chung*"; ông Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông Đ đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc; việc đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 23-02-1996 là hợp pháp và có thật. Bà N và ông Đ đã ly thân không chung sống với nhau một thời gian dài. Xét thấy cuộc sống chung vợ

chồng giữa bà N và ông Đ không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà N có nguyện vọng nuôi các cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 02/9/2016 và cháu Nguyễn Hữu P sinh ngày 11/03/2018; ông Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/03/2018; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/9/2016 cho bà N nuôi dưỡng. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Ngọc N và cháu Nguyễn Hữu P từ nhỏ và hiện tại vẫn các cháu vẫn đang ở với bà N; hiện tại ông Đ và bà N đều sinh sống ở gần nhau, các cháu đều có nguyện vọng ở với bà N. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chưa thành niên về điều kiện môi trường sống, sinh hoạt, học tập, cũng như không ảnh hưởng đến môi trường sống và tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn nên việc giao cháu Ngân và cháu Phước cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Cao Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Cao Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 11/03/2018 và cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 02/9/2016 cho Bà Cao Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng*: bà N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Bà Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002034, ngày 05-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong; bà N đã nộp xong án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Quốc Vụ**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Vụ**